



Công ty Cổ phần GTNfoods

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần GTNfoods
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

0105334948

ngày 30 tháng 5 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 2 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên
Ông Nghiêm Văn Thắng
Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Lê Thành Liêm
Ông Đỗ Lê Hùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Trần Chí Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Hà Thị Diệu Thu
Bà Cao Thị Hồng
Bà Nguyễn Đức Diệu Thơ

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần GTNfoods
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **28-03-2022**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần GTNfoods**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần GTNfoods ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-03-2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần GTNfoods tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính trong đó trình bày rằng trong năm 2022 Công ty sẽ được sáp nhập vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Vilico”) theo phương án Vilico phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty đang lưu hành, sau đó Công ty sẽ được sáp nhập vào Vilico.

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do đơn vị nhận sáp nhập là Vilico cam kết kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ của đơn vị bị giải thể theo giá trị sổ sách và các hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ vẫn được duy trì bình thường sau khi sáp nhập.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00190-22-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Hà Nội, **28-03-2022**

Công ty Cổ phần GTNfoods

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		352.428.396.199	1.099.343.637.260
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.846.967.971	885.255.561.683
Tiền	111		1.846.967.971	1.255.561.683
Các khoản tương đương tiền	112		-	884.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		339.000.000.000	205.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	339.000.000.000	205.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.103.813.351	6.775.706.485
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	107.334.246
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.971.075.000	4.021.075.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.853.813.351	6.475.706.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.721.075.000)	(3.828.409.246)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.477.614.877	2.312.369.092
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		54.003.993	90.533.601
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		352.328.095	150.552.702
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11(a)	2.071.282.789	2.071.282.789
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		2.427.319.763.704	1.601.465.479.305
Các khoản phải thu dài hạn khác	210		87.590.300	87.590.300
Phải thu dài hạn khác	216		87.590.300	87.590.300
Tài sản cố định	220		1.130.954.037	1.352.708.673
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.130.954.037	1.352.708.673
Nguyên giá	222		1.660.713.818	1.660.713.818
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(529.759.781)	(308.005.145)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		142.000.000	142.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.000.000)	(142.000.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.426.019.694.353	1.599.902.095.153
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	2.266.298.145.648	1.426.733.774.148
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	5(b)	230.899.972.315	230.899.972.315
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(71.178.423.610)	(57.731.651.310)
Tài sản dài hạn khác	260		81.525.014	123.085.179
Chi phí trả trước dài hạn	261		81.525.014	123.085.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.779.748.159.903	2.700.809.116.565

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần GTNfoods

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.059.489.699	888.032.662
Nợ ngắn hạn	310		1.059.489.699	888.032.662
Phải trả người bán ngắn hạn	311		196.149.667	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11(b)	67.075.408	22.469.224
Phải trả người lao động	314		214.475.570	201.715.872
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		528.180.000	519.866.500
Phải trả ngắn hạn khác	319		53.609.054	143.981.066
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.778.688.670.204	2.699.921.083.903
Vốn chủ sở hữu	410	12	2.778.688.670.204	2.699.921.083.903
Vốn cổ phần	411	13	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		255.927.481.378	245.042.505.974
Cổ phiếu quỹ	415		-	(14.364.328.733)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	421		22.761.188.826	(30.757.093.338)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(30.757.093.338)	(106.382.393.081)
- LNST năm nay	421b		53.518.282.164	75.625.299.743
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.779.748.159.903	2.700.809.116.565

28-03-2022

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần GTNfoods

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	73.047.397.447	84.945.373.119
Chi phí tài chính	22	16	13.446.772.300	846.839.616
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	6.012.342.983	8.433.817.698
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		53.588.282.164	75.664.715.805
Thu nhập khác	31		-	19.635.721
Chi phí khác	32		70.000.000	59.051.783
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(70.000.000)	(39.416.062)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.518.282.164	75.625.299.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		53.518.282.164	75.625.299.743

28-03-2022

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần GTNfoods

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	53.518.282.164	75.625.299.743
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	221.754.636	115.825.988
Các khoản dự phòng	03	13.446.772.300	846.839.616
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(73.047.143.273)	(84.945.373.119)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(5.860.334.173)	(8.357.407.772)
Biến động các khoản phải thu	09	(153.775.394)	6.512.325.858
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	171.457.037	182.160.585
Biến động chi phí trả trước	12	78.089.773	1.445.643.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.764.562.757)	(217.277.344)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	-	(1.271.143.818)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(370.000.000.000)	(1.359.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	236.000.000.000	1.218.250.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(883.751.970.000)	-
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27	114.858.634.908	86.562.943.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(902.893.335.092)	(55.458.200.777)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần GTNfoods**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31	25.249.304.137	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	-	(14.364.328.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.249.304.137	(14.364.328.733)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(883.408.593.712)	(70.039.806.854)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	885.255.561.683	955.295.368.537
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	1.846.967.971	885.255.561.683

28-03-2022

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GTNfoods (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư tài chính;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; và
- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 9 nhân viên (1/1/2021: 10 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Ngày 26 tháng 2 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã công bố tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, bao gồm nội dung về phương án tái cấu trúc Công ty bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu thông qua hợp đồng hoán đổi. Theo đó, Công ty được tái cấu trúc vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Vilico”) theo phương án Vilico phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty đang lưu hành, trên cơ sở tỷ lệ hoán đổi 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu Công ty vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu Vilico). Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Công ty và Vilico đã ký hợp đồng sáp nhập thay thế hợp đồng sáp nhập đã ký ngày 9 tháng 4 năm 2021. Ngày 27 tháng 1 năm 2022, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Vilico đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập. Theo đó, Vilico sẽ phát hành thêm 156.250.000 cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu Công ty đang lưu hành theo tỉ lệ hoán đổi nêu trên.

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do đơn vị nhận sáp nhập là Vilico cam kết kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ của đơn vị bị giải thể theo giá trị sổ sách và các hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ vẫn được duy trì bình thường sau khi sáp nhập.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ trang thiết bị văn phòng | 3 – 8 năm |

(e) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm quản lý. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

(f) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.



(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(j) Thu nhập khác

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(k) Thuê tài sản (thuê hoạt động)

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(l) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(m) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	1.846.967.971	1.255.561.683
Các khoản tương đương tiền	-	884.000.000.000
	1.846.967.971	885.255.561.683

5. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,8%/năm (1/1/2021: từ 5,5%/năm đến 7%/năm).

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			31/12/2021		
	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con					
▪ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	47.003.136	74,49%	1.426.733.774.148	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (***)	29.458.399	51,00%	839.564.371.500	-	(*)
			<u>2.266.298.145.648</u>		
Công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*****)	7.400.000	16,23%	82.777.145.000	28.475.099.728	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	67.500.000.000	42.703.323.882	(*)
			<u>230.899.972.315</u>	<u>71.178.423.610</u>	
			<u>2.497.198.117.963</u>	<u>71.178.423.610</u>	

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			1/1/2021		
	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con					
▪ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	47.003.136	74,49%	1.426.733.774.148	-	(*)
Công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (****)	7.400.000	16,23%	82.777.145.000	(26.874.203.081)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	67.500.000.000	(30.857.448.229)	(*)
			230.899.972.315	(57.731.651.310)	
			1.657.633.746.463	(57.731.651.310)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 129.103.991.000 VND (1/1/2021: 143.137.033.500 VND). Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(****) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành mua vào 29.454.210 cổ phiếu và ngày 4 tháng 2 năm 2021 Công ty tiếp tục mua thêm 4.189 cổ phiếu phát hành mới của Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược và cán bộ công nhân viên của công ty con này để tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu sau các giao dịch trên là 51,00% (bao gồm trực tiếp là 26,78% và gián tiếp thông qua Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP là 24,22%).

Công ty Cổ phần GTNfoods**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(***) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Ông Nhữ Mạnh Hải	250.000.000	300.000.000
	3.971.075.000	4.021.075.000

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi	7.567.030.151	5.190.923.285
Phải thu tiền thuê văn phòng từ bên liên quan	1.276.783.200	1.276.783.200
Tạm ứng	10.000.000	8.000.000
	8.853.813.351	6.475.706.485

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ				
Công nghiệp Thái Nguyên	-	-	-	-
	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	-
Trong đó:				
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		(3.721.075.000)		(3.828.409.246)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Trang thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.467.313.818	193.400.000	1.660.713.818
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	167.396.810	140.608.335	308.005.145
Khấu hao trong năm	191.587.968	30.166.668	221.754.636
Số dư cuối năm	358.984.778	170.775.003	529.759.781
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.299.917.008	52.791.665	1.352.708.673
Số dư cuối năm	1.108.329.040	22.624.997	1.130.954.037

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 102.900.000 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 102.900.000 VND).

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗi tính thuế	53.756.182.366	10.751.236.473	58.150.099.401	11.630.019.880

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2024 và chưa được quyết toán.

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.071.282.789	-	-	2.071.282.789

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	22.469.224	287.035.716	(242.429.532)	67.075.408
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	22.469.224	290.035.716	(245.429.532)	67.075.408

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	2.500.000.000.000	245.042.505.974	-	(106.382.393.081)	2.638.660.112.893
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	75.625.299.743	75.625.299.743
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(14.364.328.733)	-	(14.364.328.733)
Số dư tại ngày 1/1/2021	2.500.000.000.000	245.042.505.974	(14.364.328.733)	(30.757.093.338)	2.699.921.083.903
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	53.518.282.164	53.518.282.164
Bán cổ phiếu quỹ (*)	-	10.884.975.404	14.364.328.733	-	25.249.304.137
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.500.000.000.000	255.927.481.378	-	22.761.188.826	2.778.688.670.204

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện bán 1.000.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2020/GTN/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2020 với phương thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	250.000.000	2.500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000
	1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	250.000.000	2.500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(1.000.000)	(14.364.328.733)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	249.000.000	2.485.635.671.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	325.166.400	330.361.200
Từ hai đến năm năm	81.291.600	412.951.500
	406.458.000	743.312.700

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo hợp đồng thuê văn phòng dài hạn số 06/2020/HĐ-VP ngày 26 tháng 3 năm 2020 và phụ lục hợp đồng số 09/2020/PLHĐ-VP ngày 10 tháng 4 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 11/2021/PLHĐ-VP ngày 12 tháng 5 năm 2021. Thời hạn thuê là ba năm, từ ngày 27 tháng 4 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2023.

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	15.387.116.847	56.743.491.519
Cổ tức được chia	57.660.280.600	28.201.881.600
	73.047.397.447	84.945.373.119

16. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.446.772.300	846.839.616

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân công	3.404.343.458	4.461.327.413
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.031.717	59.570.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	221.754.636	115.825.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.000.117.834	3.174.395.871
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.369.095.338	622.697.483
	6.012.342.983	8.433.817.698

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.518.282.164	75.625.299.743
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.703.656.433	15.125.059.949
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.707.183.094	146.612.374
Thu nhập không bị tính thuế	(11.532.056.120)	(5.640.376.320)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(878.783.407)	(8.676.678.719)
Hoàn nhập dự phòng đã loại trừ năm trước	-	(954.617.284)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

19. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu		
Đầu tư vào công ty con	883.751.970.000	-
Cổ tức được chia cho giai đoạn trước khi đầu tư	44.187.598.500	-
Cổ tức được chia cho giai đoạn sau khi đầu tư	29.458.399.000	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP		
Cổ tức được chia	28.201.881.600	28.201.881.600
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	471.590.880

Công ty Cổ phần GTNfoods**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt****2021
Triệu VND****Thành viên Hội đồng Quản trị**

	Chức danh	Tổng thù lao
Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch	120
Ông Nghiêm Văn Thắng	Thành viên	96
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên	96
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên	96
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	96

504

Ban Kiểm soát

		Tổng thù lao
Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban	96
Bà Nguyễn Đức Diệu Thơ	Thành viên	72
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên	72

240

Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Dũng

**Tiền lương trung
bình một tháng**
17**Những người quản lý khác****Tiền lương trung
bình một tháng**
13

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

28 -03- 2022

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc